

RỦI RO THEO TÍNH CHẤT NGHIỆP VỤ của hoạt động tín dụng ngân hàng



Ảnh: Hàn Hùng

Phan Quốc Khánh *

NHTM là tổ chức trung gian tài chính, kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng, nên đây cũng có thể được coi là trung tâm chứa đựng rủi ro của nền kinh tế, với rất nhiều loại rủi ro phức tạp luôn luôn đi sát các lĩnh vực hoạt động của mỗi ngân hàng. Xét theo tính chất nghiệp vụ hoạt động tín dụng ngân hàng thì có thể thấy các loại rủi ro sau đây:

Rủi ro nguồn vốn

Ngân hàng là tổ chức trung gian tài chính, đi vay để cho vay, huy động vốn vào phải cho vay ra. Theo tính toán, tổng dư nợ cho vay và đầu tư chiếm khoảng 75 - 80% tổng nguồn vốn của một ngân hàng là lý tưởng, trên mức đó là yếu thanh khoản, ngân hàng dễ có nguy cơ bị mất khả năng thanh toán, có thể dẫn tới bị đổ vỡ, phá sản. Ngược lại, nếu thấp hơn thì vốn bị đọng nhiều, kinh doanh kém hiệu quả. Hay nói cách khác, rủi ro nguồn vốn xảy ra khi tỷ trọng vốn đang sử dụng nằm ngoài tỷ lệ lý tưởng trên. Từ năm 1996 đến giữa năm 2000, một số NHTM Việt Nam ở nhiều thời điểm bị đọng vốn không cho vay ra được, tỷ lệ nói trên chỉ đạt 55 - 60%. Cá biệt có NHTM quốc doanh lớn tỷ lệ sử dụng vốn chỉ đạt mức trên dưới 50%, thậm chí thấp hơn. Song cũng có một NHTM quốc doanh khác tính bình quân cả năm 1998, tỷ lệ sử dụng vốn đạt tới 72% tổng nguồn vốn. Trong các năm 1996, 1997 và

1998, các NHTM cổ phần ở thành phố HCM như: Tân Việt, Gia Định, Việt Hoa,... do tỷ lệ nợ quá hạn cao, cộng với một số tin đồn thất thiệt ở một số thời điểm ngắn, làm cho người gửi tiền ở các ngân hàng này rút tiền gửi trước hạn, thanh khoản yếu, nguồn vốn bị cạn kiệt, dẫn đến các ngân hàng này sắp rơi vào nguy cơ bị mất khả năng thanh toán. Tương tự, thông tin không chính xác về tranh chấp trụ sở một chi nhánh của NHTMCP Á châu - ACB trong năm 2001, cũng làm cho người dân ở các ngân hàng này rút tiền gửi trước hạn trong vài ba ngày. Sau đó với các biện pháp có hiệu quả nên tình hình nhanh chóng trở lại bình thường.

Mới đây, trong năm 2001 vừa qua đã xảy ra một tình trạng khác về rủi ro nguồn vốn. Đó là nhiều NHTM thiếu hụt nguồn vốn nội tệ, thừa vốn ngoại tệ xảy ra giữa năm 2001, một số NHTM phải sử dụng vốn nội tệ tới tỷ lệ 80-85% nguồn vốn của mình. NHNN phải đưa ra nghiệp vụ SWAP với các NHTM nhằm phòng ngừa rủi ro nguồn vốn, bù đắp thiếu hụt tạm thời nguồn vốn nội tệ cho các NHTM.

Sử dụng vốn huy động ngắn hạn sang cho vay trung, dài hạn vượt quá tỷ lệ 20% theo quy định của pháp luật, gây rủi ro cho thanh khoản (từ cuối năm 2001, Thống đốc NHNN cho phép NHNo&PTNTVN được phép sử

dụng tới 40%).

Rủi ro lãi suất

Tình trạng này xảy ra khi ngân hàng đang huy động vốn với lãi suất bình thường hoặc lãi suất cao, nhưng lãi suất cho vay đột ngột giảm xuống, do đó, nguồn vốn huy động vào phải trả lãi suất cao, nhưng cho vay ra thì chỉ thu được lãi suất thấp, kinh doanh kém hiệu quả, khả năng tài chính yếu. Sự biến động thường xuyên của trần lãi suất hay lãi suất cơ bản của NHTU cũng dẫn đến rủi ro lãi suất cho các NHTM. Hoặc là, trong trường hợp lạm phát tốc độ tăng cao, người vay vốn thì có lợi vì lãi suất vẫn chỉ phải trả theo mức ghi trên khế ước hay trong hợp đồng tín dụng, còn ngân hàng thì lại bị thiệt hại, bị rủi ro...

Cuối năm 2000, Ngân hàng ĐT - PT Việt Nam phát hành trái phiếu BIDV huy động vốn ngoại tệ - USD kỳ hạn 5 năm, năm đầu trả lãi theo mức của thị trường thời điểm đó là trên 5%/năm và cam kết trả lãi các năm tiếp theo không thấp hơn lãi suất năm đầu. Nhưng sau đó, từ đầu năm 2001 đến đầu năm 2002 lãi suất của FED giảm từ mức 6,5%/năm, xuống còn 1,75%/năm; lãi suất tiền gửi USD từ dân cư ở trong nước cũng giảm từ 6,0%/năm xuống còn 2,0 - 2,5%/năm, nhưng NHĐT&PTVN vẫn phải trả lãi cho người sở hữu trái phiếu lãi suất trên 5%/năm, trong khi đó, lãi suất cho vay USD cũng

* NHĐT&PT Việt Nam

chỉ khoảng 5%/năm, gặp rủi ro về lãi suất.

Rủi ro lãi suất còn do tình hình cạnh tranh, ngân hàng nâng lãi suất huy động vốn quá cao so với mặt bằng chung, hạ lãi suất cho vay xuống quá thấp, do uy tín thấp, lo sợ mất thị trường, mất khách hàng, thiếu vốn,... dẫn đến kinh doanh thua lỗ, hoặc lợi nhuận thấp, năng lực tài chính suy yếu. Tình hình này xảy ra không phải hiếm trong hai năm 2000 - 2001. Ở thời điểm này, lãi suất cơ bản là 0,65% - 0,60%/tháng, nhưng nhiều NHTM cổ phần nâng lãi suất huy động vốn lên tới 0,60% - 0,70%/tháng của kỳ hạn 13 tháng, Một số NHTM cho khách hàng là các tổng công ty Nhà nước, khách hàng có uy tín vay với lãi suất chỉ có 0,58%/tháng. Tất nhiên về hạch toán, về kinh doanh, lãi suất đầu vào sẽ được tính bình quân chung của nhiều kỳ hạn gửi tiền,... và lãi suất cho vay cũng bình quân nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, nhưng giảm thu nhập cho ngân hàng!

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Vốn kinh doanh của ngân hàng bao gồm nội tệ và ngoại tệ. Song nếu như vốn bằng ngoại tệ, bao gồm tồn quỹ, tiền gửi và dư nợ cho vay lớn, nhưng sau đó đồng nội tệ bị lên giá và kéo dài, ngoại tệ bị mất giá, kết thúc năm tài chính hoặc sau một chu kỳ kinh doanh bị thua lỗ lớn. Tình trạng rủi ro về tỷ giá hối đoái còn xảy ra giữa các loại ngoại tệ với nhau khi có biến động, nhất là giữa Yên (Nhật Bản) với Dollar Mỹ, DM (Đức)... Khi mà một ngân hàng vay nợ quá nhiều về một loại ngoại tệ nào đó nhưng sau đó loại ngoại tệ này lên giá quá lớn; hoặc là mua vào quá nhiều một loại ngoại tệ, sau đó nó mất giá quá lớn, bị thua lỗ. Thời gian qua, do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và trong khi tỷ giá giữa USD/VND ở nước ta không ổn định, Chi nhánh Ngân hàng ING BANK của Hà Lan ở Hà Nội, để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, đã không dám đầu cơ, để tồn quỹ Dollar Mỹ với khối lượng lớn trong giai đoạn này, mà chỉ để tồn quỹ mức vừa phải đủ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng quen, hoặc khi

có khách hàng, Ngân hàng mới mua ngoại tệ vào rồi bán ngay cho khách hàng đó. Hầu hết các chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn này đều phải làm như vậy để chủ động tránh rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ, không dám đầu cơ. Tuy nhiên, cũng có NHTM quốc doanh lớn - đó là Vietcombank, và một NHTM cổ phần lớn nhất có trụ sở chính ở Thành phố Hồ Chí Minh - đó là ACB thu lãi rất lớn, hàng tỷ đồng, thậm chí hàng chục tỷ đồng trong các đợt biến động tỷ giá ở nước ta cuối năm 1997 và trong năm 1998. Ngược lại, có một số ngân hàng và ngay cả tư nhân bị thua lỗ nặng trong các phi vụ tương tự.

Song, rủi ro lớn nhất về tỷ giá hối đoái đối với các NHTM là tập trung ở khách hàng vay vốn ngoại tệ, thấy rất rõ là đối với các doanh nghiệp vay vốn ngoại tệ nhập khẩu thiết bị mìn đường, xi măng lò đứng, dẫn tới tình trạng không trả được nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng với NH.

Rủi ro trong bảo lãnh mở L/C

Thông qua các loại thư tín dụng: Letter of Credit (L/C) khác nhau như: L/C at Sight (thư tín dụng trả ngay); L/C back to back (thư tín dụng đầu lưng); Deferred L/C (thư tín dụng trả chậm); Irrevocable letter of credit (thư tín dụng không thể hủy ngang); Revocable letter of credit (thư tín dụng có thể hủy ngang)... theo đó, ngân hàng đứng ra bảo lãnh cho nhà nhập khẩu, cam kết trả đủ số tiền cho nhà xuất khẩu sau khi nhà nhập khẩu nhận đủ hàng hoá. Do đó, tùy thuộc mức ký quỹ khác nhau, song nếu mức ký quỹ thấp không đủ giá trị L/C, hoặc khách hàng không trả đủ nợ, ngân hàng phải đứng ra thanh toán thay cho khách hàng rồi làm thủ tục cho vay bắt buộc. Hoặc những sai sót do ngân hàng hoặc do khách hàng gây ra trong nghiệp vụ L/C, cuối cùng sinh ra tranh chấp, kiện tụng, ngân hàng bị phạt tiền hay phải trả thay cho khách hàng.

Tháng 10/1994, Liên hiệp Sản xuất thương mại tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (Vinahandcoop) Hà Nội ký hợp đồng mua một lô hàng mỹ nghệ của một doanh

ngiệp Trung Quốc, dự kiến xuất cho một Công ty Mỹ thông qua một Công ty trung gian của HongKong, do Delta Asia Ltd, một ngân hàng của HongKong mở L/C, Vietcombank đóng vai trò của ngân hàng thông báo. Song do hành vi lừa đảo của Công ty Hong Kong, do sơ suất về mặt thủ tục hành chính của văn thư khi thông báo L/C của Vietcombank (không xoá chữ Tested trên mẫu thư thông báo in sẵn), do sai sót của Vinahandcoop, nên cuối cùng Vinahandcoop bị lừa mất trên 1 triệu USD. Sau đó, dẫn tới vụ kiện cáo kéo dài đổ trách nhiệm cho nhau về sai sót L/C giữa Vietcombank và Vianhandcoop.

Cuối năm 2000, Sở giao dịch I - NHNo&PTNT Việt Nam mở L/C bảo lãnh cho Công ty Centrimex thuộc Bộ Thương mại nhập khẩu 10.000 tấn phân urê trị giá 1.451.935,75 USD, song do những sai sót trong quá trình thanh toán nên bị Ngân hàng BHF của Đức buộc phải thanh toán, còn Centrimex thì từ chối nhận nợ vay của Sở giao dịch I với lý do Sở giao dịch I thông báo sai sót chứng từ: Vận đơn ghi không đúng ngày bốc hàng; tên Ngân hàng bị ký phát (Drawee) trên hối phiếu không đúng. Sở giao dịch I theo đề nghị của Centrimex thông báo những sai sót này cho BHF. Tuy nhiên, BHF phủ nhận những sai sót đó. Tranh chấp xảy ra và Sở giao dịch I gặp rủi ro về L/C.

Cũng về rủi ro trong bảo lãnh mở L/C trả chậm, do các doanh nghiệp không có khả năng thanh toán đúng hạn, nên chỉ riêng ở TP HCM, tính đến hết năm 1998, dư nợ các ngân hàng phải thanh toán thay cho các doanh nghiệp lên tới 289,47 triệu USD.

Rủi ro trong thanh toán liên quan trực tiếp đến hoạt động tín dụng

Loại rủi ro này có các dạng và nguyên nhân sau đây:

- Do nhân viên ngân hàng thông đồng với các phần tử bên ngoài giả mạo các chứng từ hoá đơn trong thanh toán, lẩn tránh sự kiểm soát của bộ phận chuyên môn để ăn cắp tiền ngân hàng. Trường hợp này đã xảy ra tại Thái Nguyên. Cán bộ

NHNo&PTNT Thái Nguyên thông đồng với đại lý xăng dầu và Kho bạc Nhà nước giá mạo trong thanh toán bù trừ, rút tiền ngân hàng.

- Với các kỹ thuật tinh vi, kẻ gian làm giả thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, séc du lịch... để rút tiền ngân hàng. Với kinh nghiệm của cán bộ ngân hàng và công nghệ hiện đại, các trường hợp này được phát hiện nhiều, nhưng trong thực tế cũng bỏ sót không ít trường hợp.

- Cán bộ tín dụng trực tiếp thu nợ, thu lãi của khách hàng, xâm tiêu không nộp vào NH; hay nhờ khách

hàng vay hộ, vay ké; hay các rủi ro khác về đạo đức liên quan trực tiếp đến cán bộ tín dụng.

Hậu quả của rủi ro

Rủi ro tín dụng được biểu hiện là vốn cho vay ra không thu đủ nợ gốc và lãi khi đến hạn, phát sinh chi phí lớn hay thu được lãi thấp ngoài dự kiến, bị mất vốn, kinh doanh kém hiệu quả thậm chí thua lỗ, bị phá sản,...

Người ta ví kinh doanh và rủi ro như trên hai bàn cân trên một chiếc cân. Nếu kinh doanh giỏi mà phòng ngừa rủi ro tồi thì cuối cùng kinh

doanh cũng chẳng có hiệu quả. Ngược lại, nếu quản lý rủi ro tốt, nhưng kinh doanh tồi thì hậu quả cũng tương tự. Ở các nước phát triển, họ thiết lập một hệ thống pháp lý khá đầy đủ; mạng lưới thanh tra, kiểm soát hùng hậu; thiết lập hàng loạt quỹ: Bảo toàn tiền gửi, bảo hiểm tín dụng, phòng ngừa rủi ro và các loại hình bảo hiểm khác để giúp phòng ngừa rủi ro hoạt động ngân hàng. Đồng thời, bản thân mỗi ngân hàng họ đều xác định, phải tự mình chủ động phòng chống rủi ro là chính. ■

Trách nhiệm gắn liền với công việc - VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Củng cố và phát triển công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ (KTNB) là một trong những nội dung trọng tâm của chương trình tái cơ cấu đang được Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (NHNT) khẩn trương triển khai. Để nâng cao chất lượng công tác này, NHNT đã và sẽ phải cố gắng trên nhiều phương diện, trong đó việc xây dựng quy trình sao cho gắn liền được trách nhiệm một cách rõ ràng của cán bộ làm công tác này với công việc cụ thể là một trong những vấn đề cần phải quan tâm.

1. Gắn liền trách nhiệm của cán bộ làm công tác KTNB (KTV) với công việc cụ thể là yêu cầu phổ biến của các NHTM

Các tổ chức thanh tra, tài chính lớn trên thế giới như Ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ, Cục thanh tra tín dụng liên bang Đức, Ngân hàng Nhật bản (BOJ)... khi đánh giá sự đầy đủ của kiểm soát nội bộ và các thủ tục kiểm toán của một định chế tài chính trước tiên đều xem xét một nội dung quan trọng là "Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng (NH) cần thiết

ThS. Phan Hùng An *

lập nên các nội dung về thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng để giám sát sự tuân thủ, các chính sách, các thủ tục, các hạn mức".

Nguyên tắc thứ 14 trong danh sách các nguyên tắc cơ bản để thanh tra ngân hàng có hiệu quả của Ủy ban Basle (G10) có nêu: "Các thanh tra NH phải xác định rằng các NH có kiểm soát nội bộ thích hợp, đầy đủ về bản chất và quy mô kinh doanh của họ. Kiểm soát nội bộ phải bao gồm việc thu xếp rõ ràng về giao phó thẩm quyền và trách nhiệm, phân định chức năng liên quan..."

Trong Điều 13 Thông tư 1/2000 yêu cầu bắt buộc về việc xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng Đức thì quy định: "Ban giám đốc có trách nhiệm ban hành bằng văn bản các điều kiện khung cho kiểm toán nội bộ, trong đó đặc biệt quy định về mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm, địa vị về mặt tổ chức, quyền hạn cũng như nghĩa vụ báo cáo của những người làm công tác kiểm toán nội bộ".

Theo Ông Markus Koerner chuyên gia tư vấn của GTZ cho đề án tái cơ cấu NHNT giai đoạn 2001-2005 đã coi phân tích các quy trình hạt nhân (trong đó có quy trình về kiểm tra kiểm toán nội bộ) là xuất phát điểm và theo ông một nội dung rất quan trọng là "Phân công nhiệm vụ/ phân định nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm cần được quy định rõ ràng".

Ngay Quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN3 ngày 3/1/1998 của NHNN về việc ban hành quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ trọng các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam trong thời gian có hiệu lực cũng đã quy định tại điều 9, khoản 1: "kiểm tra viên KTNB của TCTD trong khi thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, nếu phát hiện có vi phạm các quy định về kiểm tra, kiểm toán mà không báo cáo đầy đủ, kịp thời, phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc(giám đốc), nếu nghiêm trọng sẽ phải chịu trách

* Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam